

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/VPHĐBCQG-KHTC
V/v: bổ sung thông tin về nội dung chi,
mức chi phục vụ công tác bầu cử
ĐBQH Khóa XVI và ĐB HĐND các
cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia nhận được công văn số 10996/BTC-KTN ngày 18/7/2025 của Bộ Tài chính đề nghị bổ sung cơ sở đề xuất nội dung chi, mức chi và đánh giá tác động ngân sách nhà nước khi triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia bổ sung thông tin như sau:

1. Về nội dung chi, mức chi.

a) Ý kiến Bộ Tài chính: đối với nội dung chi kế thừa giai đoạn trước, nhưng tăng mức chi: đề nghị Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia rà soát, bổ sung thêm cơ sở và căn cứ để tính tăng mức chi, do có một số nội dung có mức chi tăng trên 100%, trong khi lý do thuyết minh là trên cơ sở tăng lương cơ sở (mức tăng so với thời điểm năm 2020 là 57%).

Về nội dung này, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia bổ sung thông tin các căn cứ pháp lý trong xây dựng tăng mức chi như sau: (i) căn cứ mức chi tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (ii) mức chi tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật; (iii) mức lương cơ sở tăng từ 1.490.000 đồng¹ lên 2.340.000 đồng² tương ứng tăng 57 % (1,57 lần), (iv) đề xuất tăng mức chi phục vụ công tác bầu cử của Ủy Ban Công tác đại biểu tại công văn số 402/UBCTĐB ngày 03/6/2025; (v) nội dung đánh giá tại Báo cáo số 783/BC-HĐBCQG ngày 14/7/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026: *chế độ bồi dưỡng đối với đội ngũ làm công tác bầu cử còn thấp, chưa phù hợp với*

¹Tại thời điểm ban hành Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

² Áp dụng từ 01/7/2024 đến nay.

thực tế. Do đó, nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế về chế độ đối với đội ngũ làm công tác phục vụ bầu cử, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia đề xuất tăng mức chi: bồi dưỡng các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia; bồi dưỡng các đoàn giám sát; bồi dưỡng khoán theo tháng cho các thành viên Hội đồng bầu cử phục vụ công tác bầu cử, các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; chi tiếp công dân; chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử; chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia;...

(Chi tiết bổ sung thông tin nội dung chi, mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 theo Phụ lục 01 đính kèm).

b) Ý kiến Bộ Tài chính: đối với việc bổ sung nội dung chi mới “Chi hỗ trợ cho đại biểu Quốc hội ở Trung ương được giới thiệu ứng cử tại địa phương (tại các điểm tiếp xúc cử tri nơi cư trú và điểm tiếp xúc cử tri trên địa bàn được giới thiệu ứng cử): 5.000.000 đồng/điểm nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ các khoản chi khác”: đề nghị rà soát, bổ sung nội dung về căn cứ pháp lý, cơ sở thực tế của việc bổ sung nội dung chi này. Trường hợp, đủ cơ sở quy định đề nghị nêu rõ căn cứ thanh toán để quy định trong Thông tư.

Về nội dung này, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia bổ sung thông tin các căn cứ như sau: (i) đề xuất của Ủy Ban Công tác đại biểu tại công văn số 402/UBCTĐB ngày 3/6/2025, (ii) áp dụng mức chi tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội hội³ và (iii) ý kiến của Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố và đại biểu Quốc hội ở Trung ương trong rút kinh nghiệm về công tác phục vụ bầu cử thực tế nhiệm kỳ 2021-2026, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia đề nghị bổ sung nội dung chi và mức chi: “Chi hỗ trợ cho đại biểu Quốc hội ở Trung ương thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 5.000.000 đồng/điểm nhằm: trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

Hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia là hoạt động đặc thù, quan trọng của đất nước, là nền tảng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, theo nhiệm kỳ 05 năm tổ chức 1 lần. Bên

³ Quy định tại khoản 1 điều 7 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13

cạnh đó, thực hiện Nghị quyết về rút ngắn nhiệm kỳ của Quốc hội, việc sắp xếp, sáp nhập các tỉnh, thành phố, các đơn vị hành chính, dẫn đến khối lượng công việc tăng lên rất lớn, nhiều việc phải triển khai ngay trong thời gian ngắn. Do đó, trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung nội dung chi, điều chỉnh các mức chi phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo động lực, động viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong phục vụ công tác bầu cử đối với cán bộ, công chức, người lao động.

2. Về đánh giá tác động ngân sách nhà nước.

- Ý kiến Bộ Tài chính: dự kiến cụ thể phân kinh phí tăng thêm do nâng mức chi chế độ, chính sách (so với các chế độ cũ); Đánh giá cụ thể về số lượng đại biểu, số lượng và quy mô các điểm bầu cử trong thực hiện của nhiệm kỳ 2021 - 2026; dự kiến số lượng đại biểu, số lượng và quy mô các điểm bầu cử dự kiến của nhiệm kỳ 2026 - 2031 (có so sánh với giai đoạn trước), trong bối cảnh sắp xếp lại đơn vị hành chính địa phương (bỏ cấp huyện, số lượng xã giảm), đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin,... Từ đó, dự kiến chi tiết phân kinh phí thực hiện; Theo quy định nhiệm vụ này thực hiện theo phân cấp NSNN, NSTW có hỗ trợ cho các địa phương (thực tế, trong dự thảo Thông tư cũng có quy định về việc các địa phương được ban hành mức chi hỗ trợ cụ thể tại địa phương để thực hiện). Đánh giá rõ phân kinh phí NSDP đã bố trí trong nhiệm kỳ 2016-2021, cơ cấu so với phần NSTW hỗ trợ, Thuyết minh điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ từ NSTW; dự kiến số bố trí từ NSDP theo quy định; trên cơ sở đó, dự kiến tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm kỳ 2026-2031, cả NSTW và NSDP (có so sánh với nhiệm kỳ trước).

- Về nội dung này, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia bổ sung thông tin như sau:

Tổng kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện phân bổ 03 đợt cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương số tiền là **1.707,822** tỷ đồng (trong đó: kinh phí phân bổ cho các cơ quan Trung ương là 101,720 tỷ đồng, kinh phí phân bổ cho địa phương là 1.606,102 tỷ đồng)⁴.

⁴ Theo nguyên tắc và tiêu thức chung về: chi phí chung phục vụ công tác bầu cử: in ấn, tuyên truyền, hướng dẫn, vận động bầu cử, tổ chức hội nghị: triển khai, tập huấn, hiệp thương, tổng kết...; số lượng cử tri (căn cứ vào số liệu của Tổng cục Thống kê cung cấp, có tính đến hệ số điều chỉnh, định mức phân bổ là khác nhau đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối ngân sách; các tỉnh miền núi, Tây Nam

Để chuẩn bị cho công tác phục vụ hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, trong điều kiện vừa thực hiện sắp xếp, sáp nhập các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sáp nhập địa giới hành chính địa phương, dẫn đến đặc điểm về địa lý, cử tri, cơ cấu đại biểu...của các địa phương thay đổi, nguyên tắc và tiêu thức phân bổ kinh phí thay đổi. Theo báo cáo số 783/BC-HĐBCQG ngày 14/7/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026⁵ và thực hiện Nghị quyết số 199/2025/QH15 về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, trong thời gian gấp khi chưa có số liệu dự toán cụ thể của các cơ quan Trung ương và địa phương, tương ứng với việc đề xuất nội dung chi, mức chi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia dự kiến kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 là 2.700 tỷ đồng, tăng 1.000 tỷ đồng⁶ so với nhiệm kỳ trước để đảm bảo kịp thời kinh phí phục vụ bầu cử (*tại nhiệm kỳ 2021-2026, tổng nhu cầu kinh phí các địa phương đề nghị là 3.975 tỷ đồng, ngân sách trung ương phân bổ chỉ 1.606,102 tỷ đồng, bằng 40,4%, các địa phương có ý kiến số phân bổ thấp*)

(Chi tiết Biểu tổng hợp so sánh kinh phí phục vụ bầu cử nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 theo Phụ lục 02 đính kèm)

bộ chưa tự cân đối ngân sách, Tây nguyên địa bàn rộng có biên giới); số Ủy ban bầu cử, Tổ bầu cử; phân bổ thêm kinh phí đối với địa phương có huyện đảo.

⁵ Đề nghị Chính phủ chỉ đạo việc phân bổ, cấp kinh phí phục vụ bầu cử phù hợp theo dự toán; đối với những địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới, hải đảo,... còn nhiều khó khăn, cần kịp thời có phương án hỗ trợ thêm cho các địa phương từ nguồn dự phòng kinh phí tổ chức bầu cử; Trong các kỳ bầu cử sau, đề nghị xem xét vướng mắc liên quan đến quy định việc in tài liệu phục vụ bầu cử, vì theo phản ánh của địa phương, quy định việc in tài liệu phục vụ bầu cử phải thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu ảnh hưởng đến tiến độ cấp phát tài liệu, nhất là trong một số trường hợp cần in ấn gấp hoặc cần bảo mật thông tin. Đồng thời, cần có hướng dẫn về chế độ đối với những người trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các ứng dụng số trong việc lập, rà soát danh sách cử tri, phát thẻ cử tri, xác nhận cử tri đi bỏ phiếu, công tác tuyên truyền, vận động bầu cử, việc bỏ phiếu, kiểm phiếu, tổng hợp, báo cáo kết quả bầu cử,... để bảo đảm nhanh chóng, chính xác, tiện dụng và an toàn.

⁶ Tăng 1.5 lần theo mức lương cơ sở tăng từ năm 2020 đến nay và các nội dung chi, định mức theo chính sách mới đảm bảo tính tương quan.

Về việc đánh giá cụ thể số lượng và quy mô các điểm bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 so với nhiệm kỳ trước 2021-2026: do thay đổi quy mô các điểm bầu cử theo Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về tổ chức chính quyền địa phương (2 cấp) và Luật số 83/2025/QH13 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, tại thời điểm này Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia chưa đủ số liệu để đánh giá.

Trên đây là ý kiến phúc đáp của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia về rà soát bổ sung thông tin theo đề nghị của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh, quyết định các nội dung chi, định mức chi đảm bảo tính tương quan với các chính sách mới và cân đối nguồn kinh phí bầu cử bổ sung cho phù hợp, đảm bảo kịp thời, thống nhất, hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng BCQG (để b/c);
- Đ/c Lê Quang Tùng, CVP HĐBCQG;
- Lưu: HC, KH-TC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phạm Đình Toàn

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
VĂN PHÒNG

Phụ lục 01

**BỔ SUNG THÔNG TIN NỘI DUNG CHI, MỨC CHI
PHỤC VỤ BẦU CỬ QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐB HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031**

(kèm theo Công văn số 02/VPHĐBCQG-KHTC ngày 21 tháng 07 năm 2025 của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia)

Thông tư 102/2020/TT-BTC	Phụ lục nội dung chi, mức chi (tại công văn số 2546/VPQH-KHTC ngày 15/7/2025)	Bổ sung thông tin
I. Về nội dung chi		
Điều 2. Nội dung chi 3. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia; chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.	Mục A. Nội dung chi 3. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia; chi tài sản, máy móc , thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.	Đề xuất của Ủy ban Công tác Đại biểu
Điều 2. Nội dung chi Không có nội dung này	Mục A. Nội dung chi 7. Chi hỗ trợ cho đại biểu Quốc hội ở Trung ương thực hiện việc lấy ý kiến cử tri nơi cư	Đề xuất của Ủy ban Công tác Đại biểu, rút kinh nghiệm từ thực tế triển khai nhiệm vụ nhiệm kỳ trước (theo Điều 7, Nghị quyết 524)

	trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử.	
II. Về mức chi		
Khoản 1, Điều 3 Mức chi tại Trung ương 1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018	Mục B.I. Mức chi tại Trung ương 1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính.	Bổ sung theo quy định (BTC hướng dẫn mới, phần bôi đậm)
Điều 3: Mức chi tại Trung ương Khoản 2: Chi bồi dưỡng các cuộc họp.	Mục B.I. Mức chi tại Trung ương Khoản 2: Chi bồi dưỡng các cuộc họp	Đề nghị tăng mức chi bồi dưỡng gấp 2-2,5 lần, lý do: Hoạt động của HĐND là

a) Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: - Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi. - Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi. - Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi. b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử: - Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi. - Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi. - Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.	a) Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: - Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi. - Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi. - Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi. b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử: - Chủ trì cuộc họp: 300.000 đồng/người/buổi. - Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi. - Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.	hoạt động đặc thù, quan trọng của đất nước, 5 năm mới tổ chức 1 lần. Để đảm bảo tính tương quan các chính sách mới đối với tầm quan trọng các cuộc họp của HĐBCQG, tham khảo mức chi các cuộc họp (theo điểm đ Điều 2 Thông tư 28/2025/TT-BTC: quy định về chi tiền công hợp thi đua khen thưởng của Hội đồng thi đua khen thưởng: Chủ trì cuộc họp: 1.000.000 đồng/người/buổi, thành viên hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi, người tham gia phục vụ họp hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi).
Khoản 3, Điều 3: Mức chi tại Trung ương 3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	Khoản 3, Mục B.I. Mức chi tại Trung ương 3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	Đề nghị tăng mức chi bồi dưỡng 1,5-2 lần, trên cơ sở: mức lương cơ sở tăng 1,57 lần; khắc phục những bất cập, hạn chế về chế độ bồi dưỡng đối với đội ngũ làm công tác phục vụ bầu cử được nêu tại báo cáo số 783/BC-HĐBCQG ngày

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau: a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi. b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi. c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát: - Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người /buổi. - Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đồng/người/buổi.	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau: a) Trưởng đoàn giám sát: 300.000 đồng/người/buổi. b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi. c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát: - Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 150.000 đồng/người /buổi. - Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.	14/7/2021 của HĐBCQG và đề xuất của Ủy Ban Công tác đại biểu tại Công văn số 402/UBCTDDB ngày 3/6/2025.
d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: - Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.500.000 đồng/báo cáo.	d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: - Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 5.000.000 đồng/báo cáo. - Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: 7.000.000 đồng/báo cáo.	- Đề xuất tăng 2 lần đối với “Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát” trên cơ sở mức lương cơ sở tăng và mức độ quan trọng, đặc thù của hoạt động bầu cử. - Đề xuất tăng mức chi “Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia” gấp 1,5 lần so với quy định

		tại điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị quyết 524, trên cơ sở mức lương cơ sở tăng.
- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đồng/báo cáo	- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 1.000.000 đồng/báo cáo	Đề xuất tăng mức chi trên cơ sở mức lương cơ sở tăng và tương quan với mức tăng của báo cáo
Khoản 4, Điều 3: Mức chi tại Trung ương a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (Thông tư 338/2016/TT-BTC). b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn quốc do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước)	Khoản 4, Mục B.I. Mức chi tại Trung ương a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội. b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại mục a (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước; các văn bản hướng dẫn cho một tỉnh nhưng được gửi đến tất cả các tỉnh, thành phố để cùng áp dụng): - Xây dựng văn bản: 3.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng mức chi xây dựng Nghị	Theo Nghị quyết 197/2025/QH15

- Xây dựng văn bản: 2.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo cáo Quốc hội, mức tương đương soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội (văn bản mới) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC.	quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia bằng mức chi xây dựng Nghị quyết của Quốc hội; báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo cáo Quốc hội, mức tương đương soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội.	
Khoản 5, Điều 3: Mức chi tại Trung ương a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau: - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia: Mức 2.200.000 đồng/người/tháng. - Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng. - Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng	Khoản 5, Mục B.I Mức chi tại Trung ương a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau: - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia: Mức 3.300.000/người/tháng. - Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 3.000.000 đồng/người/tháng. - Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.700.000 đồng/người/tháng. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện kể từ thời gian Nghị quyết, Quyết định có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ	- Cập nhật thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng sau khi có văn bản ban hành chính thức. - Tăng 1,5 lần mức khoán/tháng đối các đối tượng phục vụ hoạt động bầu cử (điểm a), trên cơ sở mức lương cơ sở tăng 1,57 lần (57%).

bầu cử quốc gia và Nghị quyết số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) mức bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử); Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000	được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) mức bồi dưỡng 200.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử); Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 3.000.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Đề xuất tăng 2 lần mức chi bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) và mức chi bồi dưỡng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), do: hoạt động phục vụ công tác bầu cử là hoạt động đặc thù, quan trọng của đất nước, 5 năm mới tổ chức 1 lần và khắc phục những bất cập, hạn chế về chế độ bồi dưỡng đối với đội ngũ làm công tác phục vụ bầu cử, nhất là những người không hưởng lương tham gia các tổ bầu cử được nêu tại báo cáo số 783/BC-HĐBCQG ngày 14/7/2021 của HĐBCQG.
--	--	---

đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
Khoản 6, Điều 3: Mức chi tại Trung ương Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử: c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và Nghị quyết số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ.	Khoản 6 Mục B.I Mức chi tại Trung ương Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử: c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế thời gian phục vụ công tác Bầu cử, thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cập nhật thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại khi văn bản mới ban hành.
Không có nội dung chi này	Khoản 7, Mục B.I Mức chi tại Trung ương. 7. Chi hỗ trợ cho đại biểu Quốc hội ở Trung ương thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 5.000.000 đồng/điểm nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 Nghị quyết 524 và rút kinh nghiệm từ thực tế triển khai nhiệm kỳ 2021-2026

	khác. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố.	
Khoản 7, điều 3: Mức chi tại Trung ương a) Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi; b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi; c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi	Khoản 8, Mục B.I Mức chi tại Trung ương a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 150.000 đồng/người/buổi; b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi; c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi	Đề xuất tăng mức chi 1,7-1,9 lần đối với người được giao trực tiếp việc tiếp công dân và Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân, do việc sáp nhập địa giới hành chính dẫn đến quy mô các điểm bầu cử tăng, khối lượng công việc lớn.
Khoản 8, điều 3: Mức chi tại Trung ương Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu	Khoản 9, Mục I.B Mức chi tại Trung ương Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu	Theo đề Ủy ban Công tác đại biểu và căn cứ tình hình triển khai thực tế của các địa phương
Khoản 9, điều 3: Mức chi tại Trung ương Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.	Khoản 10, Mục B.I Mức chi tại Trung ương Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu, mức chi không bao gồm phí, lệ phí	Đề nghị tăng mức chi khắc dấu theo giá thị trường
Khoản 11, Điều 3: Mức chi tại Trung ương Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông	Khoản 11, Mục B.I Mức chi tại Trung ương Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng	Cập nhật văn bản mới có hiệu lực

tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành	nguồn vốn ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và quy định của pháp luật hiện hành.	
Khoản 12, Điều 3: Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.	Khoản 13, Mục B.I. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ....	Bổ sung nội dung đặt hàng, giao nhiệm vụ
Điều 5. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí 1. Về lập dự toán: a) Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được Hội đồng bầu cử quốc gia giao, căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các Bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính. b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền	C. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí 1. Về lập dự toán: a) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được Hội đồng bầu cử quốc gia giao, căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính trước ngày 20/8/2025 b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:	Bỏ mốc thời gian theo công văn số 2546/VPQH-KHTC ngày 15/7/2025 của Văn phòng Quốc hội, do: theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Luật số 83/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử ĐBQH và ĐBHĐND: chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử

phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ số lượng Ủy Ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã); số tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trình Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bầu cử

Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Căn cứ số lượng Ủy Ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã); số tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính **trước ngày 20/8/2025**

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương

đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố. Do đó, việc yêu cầu trước ngày 20/8 Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực Trung ương phải gửi dự toán về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính là khó khả thi (có thể đến thời điểm đó Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố chưa được thành lập).

quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia tổng hợp phương án phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bố trí cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức phục vụ bầu cử gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.	trình Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia tổng hợp phương án phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bố trí cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức phục vụ bầu cử gửi Bộ Tài chính trước ngày 10/9 để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí; các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn dự toán được giao để đảm bảo kịp thời phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.	
--	--	--

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
VĂN PHÒNG

PHỤ LỤC 02

**BIỂU TỔNG HỢP SO SÁNH KINH PHÍ PHỤC VỤ BẦU CỬ NHIỆM KỲ 2021-2026
VÀ NHIỆM KỲ 2026-2031**

(Kèm theo Công văn số 02/VPĐBCQG-KHTC ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng HĐBCQG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng kinh phí phục vụ bầu cử nhiệm kỳ 2021-2026	Kinh phí sau khi điều chỉnh tăng trung bình 1,5 lần do tăng các mức chi	Dự phòng 10%	Dự kiến kinh phí phục vụ bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031
A	B	1	2=1*1,5	3=1*10%	4=2+3
	TỔNG CỘNG NHU CẦU KINH PHÍ	1.707.822	2.561.733	170.782	2.732.515
A	Trung ương	101.720	152.580	10.172	162.752
1	Văn phòng Quốc hội	18.900	28.350	1.890	30.240
2	Ủy ban TƯ MTTQVN	5.500	8.250	550	8.800
3	Bộ Nội vụ	9.700	14.550	970	15.520
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	270	405	27	432
5	Bộ Công an	1.020	1.530	102	1.632
6	Bộ Quốc phòng	59.990	89.985	5.999	95.984
7	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.200	1.800	120	1.920
8	Đài tiếng nói Việt Nam (VOV)	2.200	3.300	220	3.520
9	Báo Nhân dân	480	720	48	768
10	Truyền hình nhân dân	1.500	2.250	150	2.400
11	Ban Tuyên Giáo TW	960	1.440	96	1.536
B	Địa phương	1.606.102	2.409.153	160.610	2.569.763
1	Tuyên Quang	41.233	61.850	4.123	65.973
2	Thái Nguyên	38.555	57.833	3.856	61.688
3	Phú Thọ	69.360	104.040	6.936	110.976
4	Bắc Ninh	52.288	78.432	5.229	83.661

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng kinh phí phục vụ bầu cử nhiệm kỳ 2021-2026	Kinh phí sau khi điều chỉnh tăng trung bình 1,5 lần do tăng các mức chi	Dự phòng 10%	Dự kiến kinh phí phục vụ bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031
A	B	1	2=1*1,5	3=1*10%	4=2+3
5	Hưng Yên	50.729	76.094	5.073	81.166
6	Hải phòng	54.911	82.367	5.491	87.858
7	Ninh Bình	67.979	101.969	6.798	108.766
8	Quảng Trị	37.846	56.769	3.785	60.554
9	Đà Nẵng	35.905	53.858	3.591	57.448
10	Quảng Ngãi	33.406	50.109	3.341	53.450
11	Gia Lai	52.930	79.395	5.293	84.688
12	Khánh Hòa	33.117	49.676	3.312	52.987
13	Lâm Đồng	60.080	90.120	6.008	96.128
14	Đắk Lắk	50.607	75.911	5.061	80.971
15	Thành phố HCM	125.522	188.283	12.552	200.835
16	Đồng Nai	53.070	79.605	5.307	84.912
17	Tây Ninh	47.978	71.967	4.798	76.765
18	Cần Thơ	55.784	83.676	5.578	89.254
19	Vĩnh Long	65.608	98.412	6.561	104.973
20	Đồng Tháp	58.848	88.272	5.885	94.157
21	Cà Mau	38.225	57.338	3.823	61.160
22	An Giang	63.992	95.988	6.399	102.387
23	Thành phố Hà Nội	86.769	130.154	8.677	138.830
24	Thành phố Huế	21.291	31.937	2.129	34.066
25	Lai Châu	14.300	21.450	1.430	22.880
26	Quảng Ninh	21.002	31.503	2.100	33.603
27	Thanh Hóa	66.572	99.858	6.657	106.515
28	Nghệ An	58.187	87.281	5.819	93.099
29	Điện Biên	16.860	25.290	1.686	26.976
30	Sơn La	26.310	39.465	2.631	42.096
31	Lạng Sơn	23.199	34.799	2.320	37.118
32	Hà Tĩnh	27.177	40.766	2.718	43.483
33	Cao Bằng	18.207	27.311	1.821	29.131
34	Lào Cai	38.255	57.383	3.826	61.208